

Nhìn lại FDI năm 2024

Vũ Việt Linh

Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong năm 2024, FDI thực hiện tăng 9,4% (so với tăng 3,5% trong năm 2023), sát với dự báo của chúng tôi (tăng 9%). Đà tăng trưởng cải thiện qua từng quý, từ tăng 7,1% so với cùng kỳ trong Q1 lên tăng 10,3% so với cùng kỳ trong Q4/2024.
- FDI đăng ký giảm 3% trong năm 2024 sau khi tăng mạnh 42% trong năm 2023. Đà tăng trưởng suy yếu qua từng quý, từ tăng 13,4% so với cùng kỳ trong Q1 xuống giảm 21,8% so với cùng kỳ trong Q4, do mức nền tăng lên và bất ổn gia tăng sau cuộc bầu cử tại Mỹ.
- Cho năm 2025 và 2026, HSC tiếp tục dự báo tăng trưởng FDI thực hiện giảm xuống lần lượt 6% và 4%. Trong khi đó, FDI đăng ký được dự báo sẽ giảm 7% trong năm 2025 sau đó đi ngang trong năm 2026.

Tăng trưởng FDI thực hiện tăng tốc trong năm 2024

Trong năm 2024, FDI thực hiện tăng 9,4% (so với tăng 3,5% trong năm 2023), sát với dự báo của chúng tôi (tăng 9%). Đà tăng trưởng cải thiện qua từng quý, từ mức tăng 7,1% so với cùng kỳ trong Q1 lên tăng 10,3% so với cùng kỳ trong Q4/2024. FDI thực hiện năm 2024 tăng 34% so với bình quân giai đoạn 2017-2019.

Cơ cấu FDI theo ngành, ngành công nghiệp chế biến & chế tạo (đóng góp khoảng 80%) vẫn tích cực (tăng 8,2% trong năm 2024) trong khi FDI ngành BĐS tăng 60,7% so với mức nền thấp trong năm 2023.

FDI đăng ký giảm nhẹ trong năm 2024

FDI đăng ký giảm 3% so với cùng kỳ trong năm 2024, sau khi tăng 42% trong năm 2023. Đà tăng trưởng suy yếu qua từng quý, từ tăng 13,4% so với cùng kỳ trong Q1 xuống giảm 21,8% so với cùng kỳ trong Q4/2024, do mức nền tăng lên và bất ổn về các chính sách kinh tế của Mỹ gia tăng. So với bình quân giai đoạn 2017-2019, FDI đăng ký năm 2024 vẫn vẫn ở mức cao hơn 5%.

Theo khu vực, thị phần FDI khu vực phía Bắc (trừ Hà Nội) trên tổng FDI đăng ký tiếp tục tăng lên 53% trong năm 2024, củng cố vị thế trung tâm FDI hàng đầu mới. Theo đối tác, khu vực ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc & Hồng Kông đóng góp khoảng 80% tổng FDI đăng ký năm 2024.

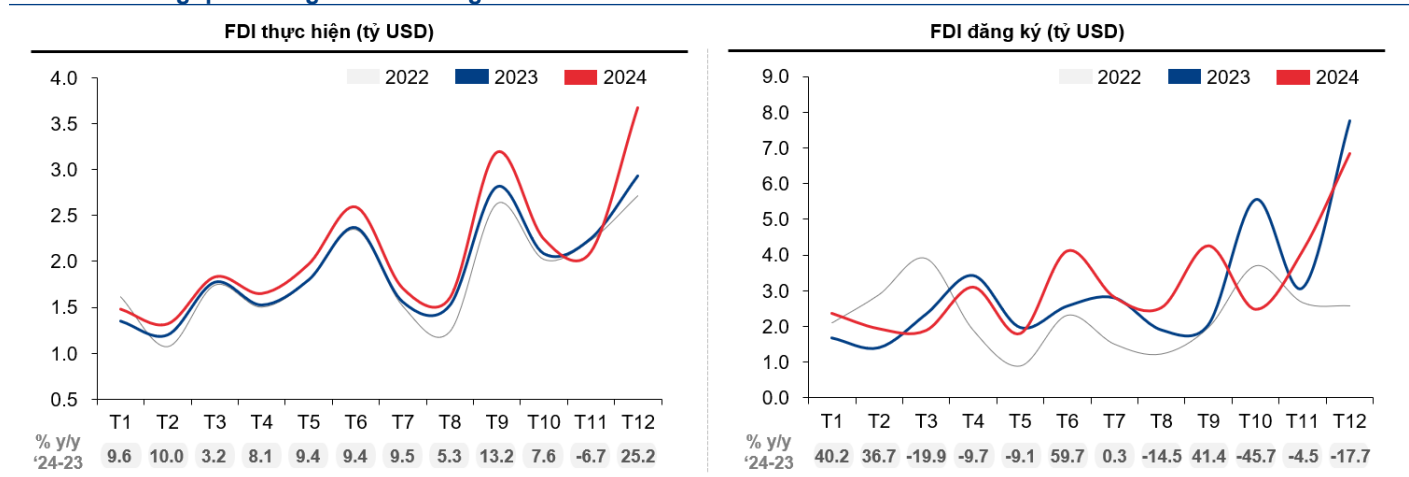
HSC giữ nguyên dự báo FDI cho giai đoạn 2025-2027

HSC duy trì dự báo FDI thực hiện sẽ tăng trưởng chậm lại ở mức 6% và 4% trong năm 2025 và 2026. Trong khi đó, chúng tôi dự báo FDI đăng ký sẽ giảm 7% trong năm 2025 sau đó đi ngang trong năm 2026.

Cho năm 2027, HSC dự báo tăng trưởng FDI thực hiện và đăng ký sẽ tăng lên 8% và 4% dựa trên kỳ vọng chính sách thuế quan mới của ông Trump sẽ không nhắm trực tiếp vào Việt Nam, giúp cải thiện tính cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút vốn FDI. Trong nhiệm kỳ trước của Tổng thống Trump, ông chỉ thực hiện 23% cam kết của mình trong chiến dịch tranh cử và không thực hiện được các cam kết quan trọng như loại Trung Quốc khỏi WTO hoặc trục xuất tất cả những người nhập cư không có giấy tờ khỏi Mỹ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/1.

Biểu đồ 1: Tổng quan dòng vốn FDI trong năm 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Cập nhật triển vọng FDI

Trong năm 2024, FDI thực hiện tăng 9,4% lên mức cao kỷ lục là 25,4 tỷ USD, cao hơn 34% so với bình quân giai đoạn trước dịch COVID-19 từ 2017-2019 (19 tỷ USD). Trong khi đó, FDI đăng ký giảm nhẹ 3% trong năm 2024 chủ yếu do mức nền cao và bất ổn địa chính trị gia tăng sau cuộc bầu cử Mỹ. Cho năm 2025 và 2026, HSC tiếp tục dự báo tăng trưởng FDI thực hiện sẽ giảm xuống 6% và 4% trong khi FDI đăng ký có thể giảm 7% trong năm 2025 và đi ngang trong năm 2026.

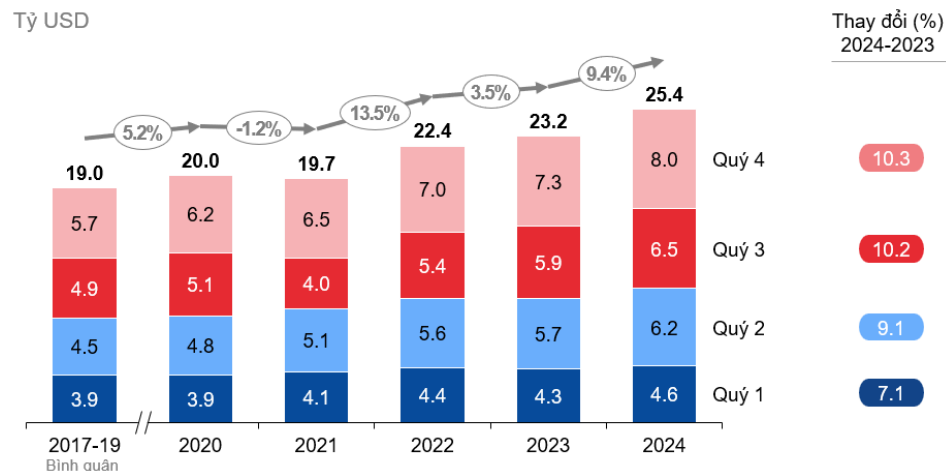
Tăng trưởng FDI thực hiện tăng tốc trong năm 2024

Trong năm 2024, FDI thực hiện tăng trưởng 9,4% (so với tăng trưởng 3,5% trong năm 2023), sát với dự báo của chúng tôi (tăng trưởng 9%) (Mời xem: [Thương mại & FDI giai đoạn 2025-2027: Nhìn xa hơn chính sách thuế quan của ông Trump](#), HSC). Đà tăng trưởng cải thiện qua từng quý, từ tăng 7,1% so với cùng kỳ trong Q1 lên tăng 10,3% so với cùng kỳ trong Q4/2024 (Biểu đồ 2).

Cơ cấu FDI theo ngành, ngành công nghiệp chế biến & chế tạo (đóng góp khoảng 80%) vẫn tích cực (tăng trưởng 8,2% trong năm 2024) trong khi FDI ngành BĐS phục hồi 60,7% so với mức nền thấp trong năm 2023 (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 2: FDI thực hiện theo quý, Việt Nam

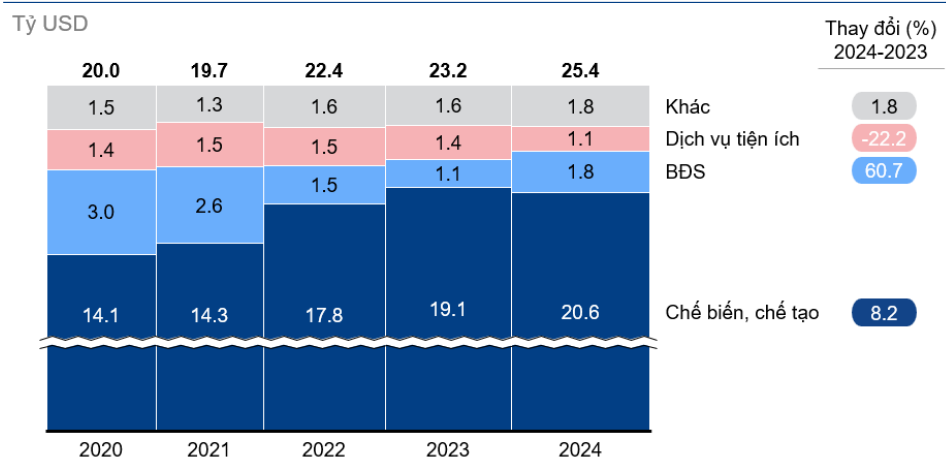
Trong năm 2024, tăng trưởng FDI thực hiện tăng lên 9,4% (so với 3,5% trong năm 2023)



Trong năm 2024, FDI thực hiện tăng lên mức cao kỷ lục mới (25,4 tỷ USD), cao hơn 34% so với bình quân giai đoạn trước COVID-19 từ năm 2017-2019 (19 tỷ USD).

Biểu đồ 3: FDI thực hiện theo ngành, Việt Nam

Trong năm 2024, FDI thực hiện trong ngành chế biến, chế tạo duy trì ở mức cao, trong khi FDI thực hiện ngành BĐS đã phục hồi đáng kể từ mức nền thấp



Tỷ trọng FDI ngành BĐS trên tổng FDI thực hiện đã giảm từ 15% vào năm 2020 xuống 7% vào năm 2024. Trong khi đó, tỷ trọng FDI ngành công nghiệp chế biến & chế tạo đã tăng từ 71% vào năm 2020 lên 81% vào năm 2024.

FDI đăng ký giảm nhẹ trong năm 2024

FDI đăng ký giảm 3% trong năm 2024, sau khi tăng trưởng 42% trong năm 2023. Đà tăng trưởng suy yếu qua từng quý, từ tăng 13,4% so với cùng kỳ trong Q1 xuống giảm 21,8% so với cùng kỳ trong Q4/2024, do mức nền tăng lên và bất ổn địa chính trị gia tăng sau cuộc bầu cử Mỹ (Biểu đồ 4).

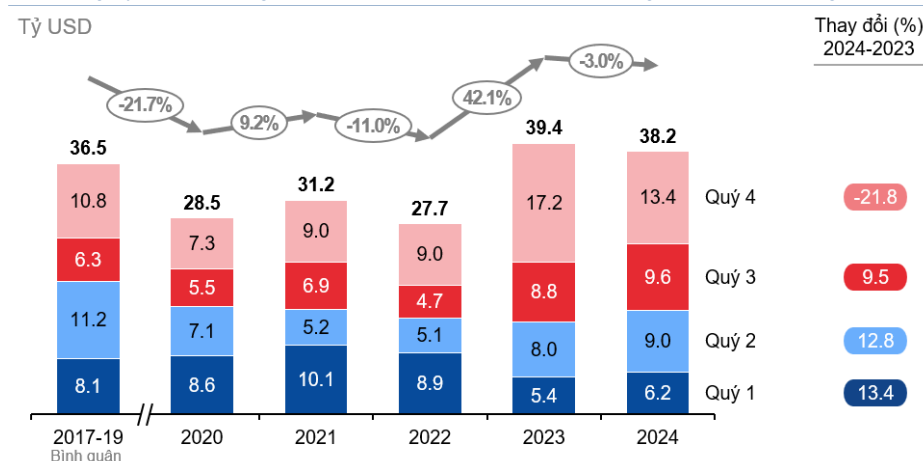
Theo loại hình đầu tư, vốn FDI đăng ký cho M&A giảm mạnh 48,1% trong 2024. Vốn FDI đăng ký mới cũng giảm 7,6% chủ yếu do mức nền cao. Trong khi đó, vốn bổ sung cho các dự án hiện hữu tăng trưởng mạnh 50,4% lên mức cao kỷ lục trong 2024. Nếu không bao gồm vốn đăng ký cho hoạt động M&A, FDI đăng ký vẫn tăng trưởng 10% trong 2024 (so với tăng trưởng 35,8% trong 2023) (Biểu đồ 5).

Theo đối tác, khu vực ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Hồng Kông đóng góp khoảng 80% tổng vốn FDI đăng ký. Trong năm 2024, FDI đăng ký của khu vực ASEAN tăng trưởng 16,9%, trong khi Hàn Quốc & Nhật Bản giảm 11,1% và Trung Quốc & Hồng Kông giảm 3,6%, một phần do mức nền cao (Biểu đồ 7).

Theo khu vực, tỷ trọng FDI khu vực phía Bắc (trừ Hà Nội) trên tổng vốn FDI đăng ký tiếp tục tăng lên 53% vào năm 2024, củng cố vị thế trung tâm FDI hàng đầu mới (Biểu đồ 8). Trong khi đó, tỷ trọng vốn FDI đăng ký tại Hà Nội và TP.HCM tiếp tục giảm xuống 14% (so với bình quân lần lượt 20% và 33% trong giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019). Mời tham khảo Biểu đồ 14 trong phần Phụ lục để có thêm thông tin chi tiết về các tỉnh thành của Việt Nam.

Biểu đồ 4: FDI đăng ký theo quý, Việt Nam

FDI đăng ký năm 2024 giảm nhẹ 3%, điều chỉnh sau khi tăng mạnh 42% trong năm 2023

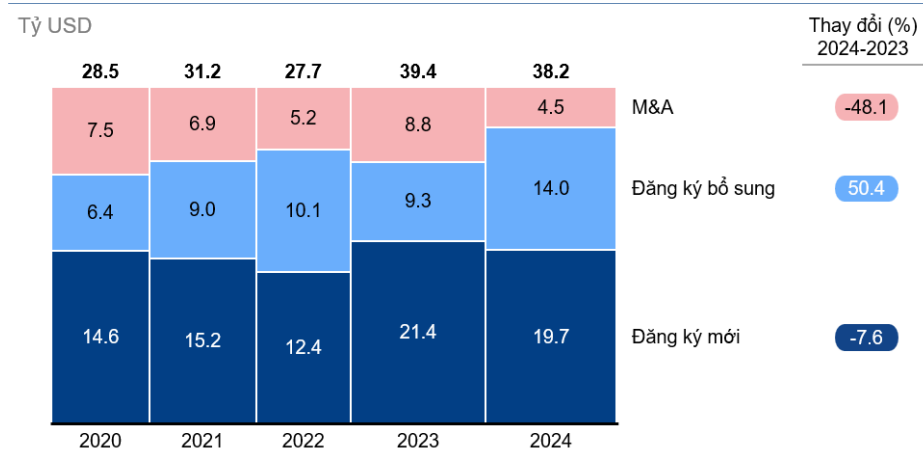


FDI đăng ký trong cả năm 2024 và 2023 đã vượt mức bình quân trước dịch COVID-19 từ năm 2017-2019 (36,5 tỷ USD).

Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC
* Số liệu FDI đăng ký năm 2023 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) điều chỉnh tăng

Biểu đồ 5: FDI đăng ký theo hình thức đầu tư, Việt Nam

Giá trị vốn FDI đăng ký mới & bổ sung duy trì ổn định trong năm 2024

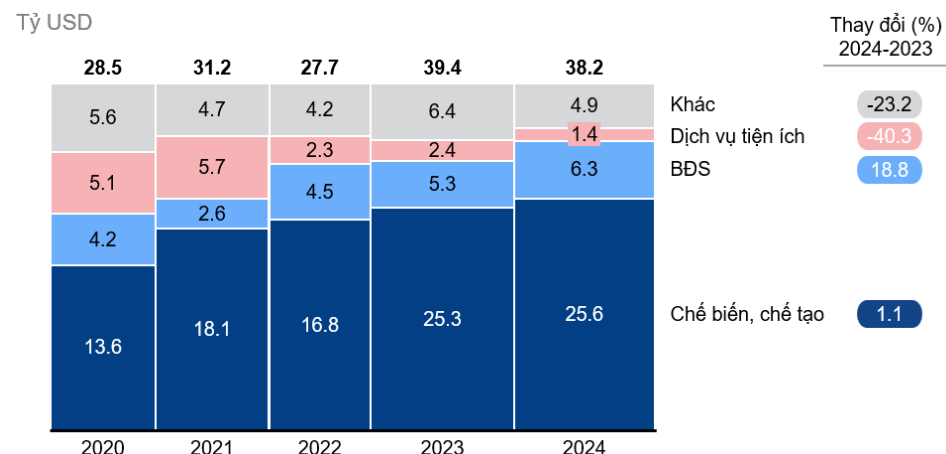


Tỷ trọng vốn FDI cho hoạt động M&A trên tổng vốn FDI đăng ký đã giảm xuống 12% vào năm 2024 (so với bình quân lần lượt 23% và 25% trong giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Biểu đồ 6: FDI đăng ký theo ngành, Việt Nam

FDI đăng ký năm 2024 trong lĩnh vực BĐS đã đạt mức cao nhất kể từ năm 2018

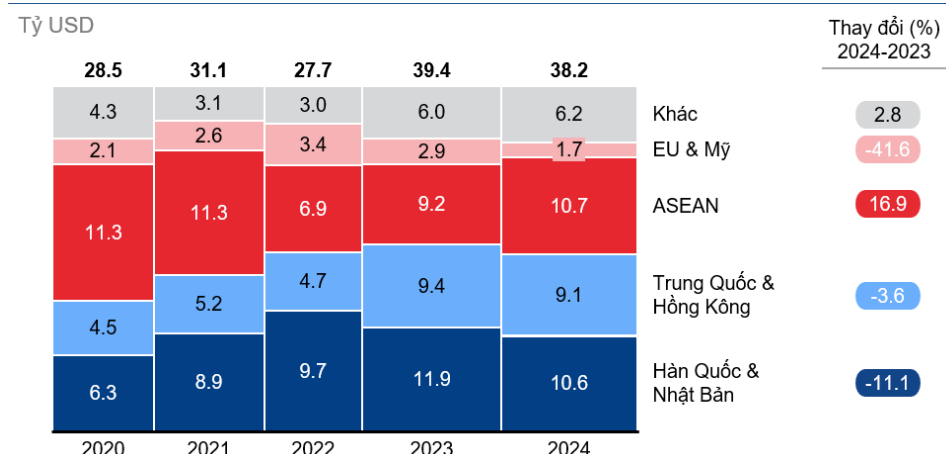


Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Trong năm 2024, tỷ trọng FDI đăng ký ngành công nghiệp chế biến & chế tạo tiếp tục tăng lên 67% (so với bình quân lần lượt 58% và 55% trong giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019).

Biểu đồ 7: FDI đăng ký theo đối tác, Việt Nam

ASEAN, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc & Nhật Bản tiếp tục là những đối tác FDI lớn trong năm 2024

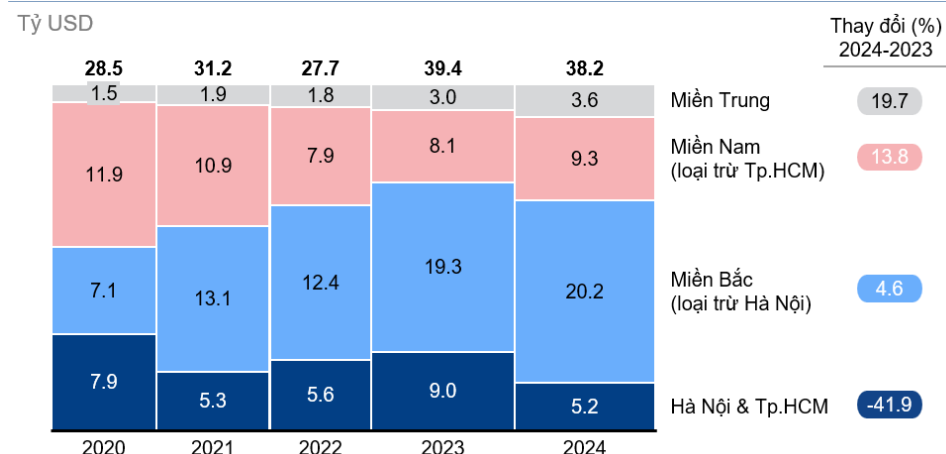


Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Tỷ trọng vốn FDI đăng ký của Hàn Quốc và Nhật Bản trên tổng vốn FDI đăng ký đã giảm xuống 28% trong năm 2024 (so với bình quân lần lượt 29% và 41% trong giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019). Trong khi đó, tỷ trọng FDI đăng ký của Trung Quốc và Hồng Kông đã tăng lên 28% vào năm 2024 (so với bình quân 18% trong cả hai giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019).

Biểu đồ 8: FDI đăng ký theo khu vực, Việt Nam

FDI đăng ký ngày càng tập trung ở khu vực miền Bắc



Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Trong năm 2024, tỷ trọng vốn FDI đăng ký ở khu vực phía Bắc (trừ Hà Nội) đã tăng lên 53% (so với bình quân lần lượt 40% và 27% trong giai đoạn 2020-2023 và 2016-2019).

HSC giữ nguyên dự báo FDI cho giai đoạn 2025-2027

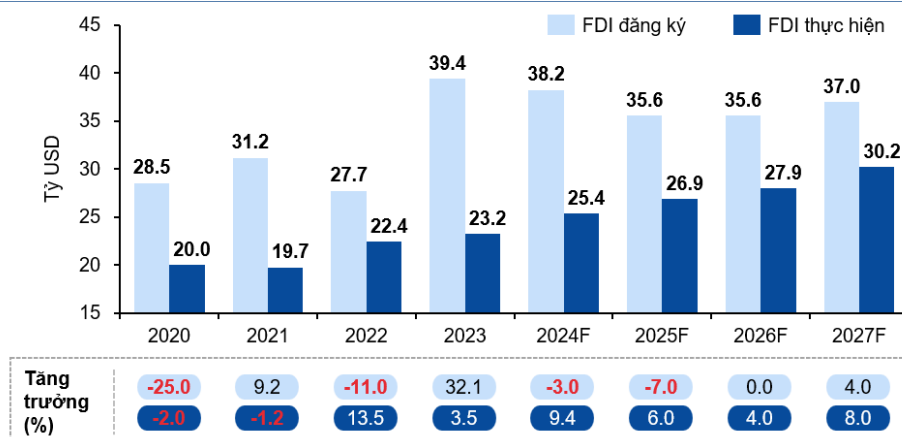
Như đã phân tích trong báo cáo trước đó (Mời xem: [Thương mại & FDI giai đoạn 2025-2027: Nhìn xa hơn chính sách thuế quan của ông Trump](#), HSC), triển vọng FDI được dự báo sẽ suy yếu do bất ổn về các chính sách kinh tế của Mỹ gia tăng. Trong đó, HSC giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI thực hiện sẽ giảm xuống 6% và 4% trong năm 2025-2026. Chúng tôi dự báo FDI đăng ký sẽ giảm 7% trong năm 2025, sau đó đi ngang trong năm 2026.

HSC dự báo tăng trưởng FDI thực hiện và đăng ký sẽ tăng lên 8% và 4% trong năm 2027 dựa trên kỳ vọng chính sách thuế quan mới tiềm năng của ông Trump sẽ không nhắm trực tiếp vào Việt Nam, từ đó giúp nâng cao khả năng cạnh tranh cho Việt Nam trong việc thu hút vốn FDI. Trong nhiệm kỳ trước của Tổng thống Trump, ông chỉ thực hiện 23% cam kết trong chiến dịch tranh cử và không thực hiện được các cam kết quan trọng như loại Trung Quốc khỏi WTO hoặc trục xuất tất cả những người nhập cư không có giấy tờ khỏi Mỹ (Biểu đồ 10).

Ngoài ra, dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn tiếp tục mạnh mẽ sau cuộc bầu cử Mỹ, đáng chú ý là các cam kết đầu tư mới của LG & Samsung với giá trị lần lượt 1 tỷ USD và 1,8 tỷ USD tại Hải Phòng & Bắc Ninh (Mời xem: [LG to invest \\$1bn more](#), T 11/2024, VAFIE và [Bac Ninh attracts \\$1.8bn](#), T1/2025, Nhân Dân) (Biểu đồ 11 trong Phụ lục).

Biểu đồ 9: Dự báo hàng năm về nguồn vốn FDI vào Việt Nam

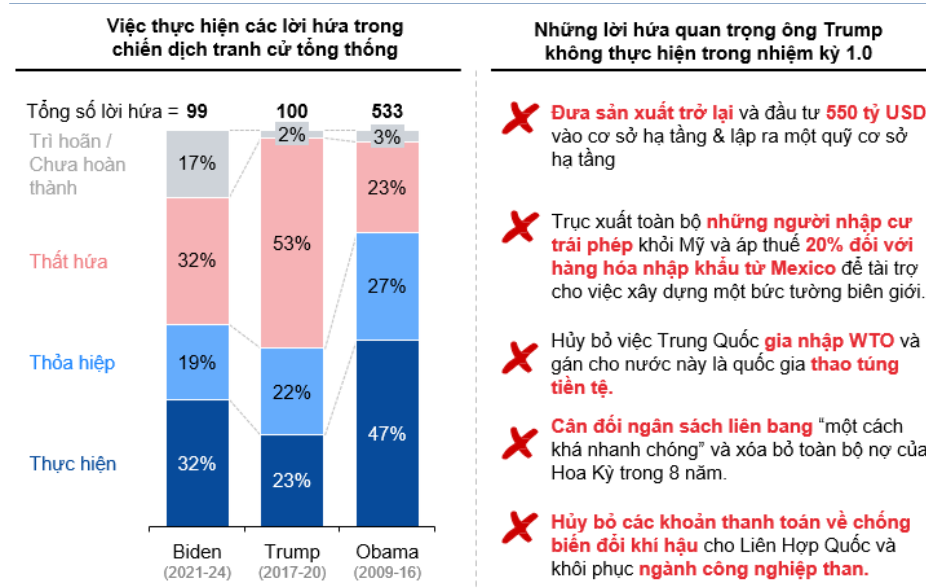
HSC dự báo dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ suy yếu trong ngắn đến trung hạn



Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư Việt Nam, HSC

Biểu đồ 10: Việc thực hiện lời hứa tranh cử của các Tổng thống Mỹ gần đây

Ông Trump chỉ thực hiện 23% những lời hứa trong nhiệm kỳ tổng thống trước



Nguồn: Poynter Institute, HSC

Phụ lục

Danh sách các dự án FDI đăng ký lớn

Biểu đồ 11: Danh sách các dự án FDI lớn trong năm 2024

Tính chung, các dự án FDI lớn chiếm 23% tổng FDI đăng ký trong năm 2024

Thời gian	Lĩnh vực kinh doanh	Nhà đầu tư	Trụ sở chính	Tỉnh	Đăng ký (triệu USD)
T12-24	Điện tử	LG Display	Hàn Quốc	Hải Phòng	1.000
T11-24	Dệt may	Mega Textiles	Hàn Quốc	Nghệ An	590
T11-24	Điện tử	Luxshare ICT	Trung Quốc	Nghệ An	300
T10-24	Robot công nghệ	Rorze Corporation	Nhật Bản	Hải Phòng	330
T10-24	BDS	Daewoo E&C	Hàn Quốc	Thái Bình	400
T9-24	Điện tử	Victory Giant Tech	Trung Quốc	Bắc Ninh	260
T9-24	Điện tử	Foxconn Technology	Đài Loan	Bắc Ninh	280
T7-24	SP thông minh	Foxconn Technology	Đài Loan	Quang Ninh	551
T7-24	Chất bán dẫn	Foxconn Technology	Đài Loan	Bắc Ninh	380
T6-24	Chất bán dẫn	Amkor Technology	Mỹ	Bắc Ninh	1.070
T5-24	Thiết bị xe điện	Shanghai Guangwei	Trung Quốc	Bắc Ninh	700
T4-24	Điện tử	BOE Technology	Trung Quốc	Vũng Tàu	277
T4-24	Điện tử	Tripod Technology	Đài Loan	Vũng Tàu	250
T4-24	Nhà máy sợi sinh học	Hyosung TNC	Hàn Quốc	Vũng Tàu	730
T3-24	Chất bán dẫn	Victory Giant Tech	Trung Quốc	Bắc Ninh	400
T2-24	Pin năng lượng mặt trời	Trina Solar	Trung Quốc	Thái Nguyên	454
T1-24	Nhà máy thủy tinh	Biel Crystal	Hồng Kông	Hải Dương	260
T1-24	BDS	CapitaLand	Singapore	Hà Nội	660

Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

FDI đăng ký theo các tỉnh và đối tác hàng đầu

Biểu đồ 12: FDI đăng ký theo các tỉnh lớn trong năm 2024

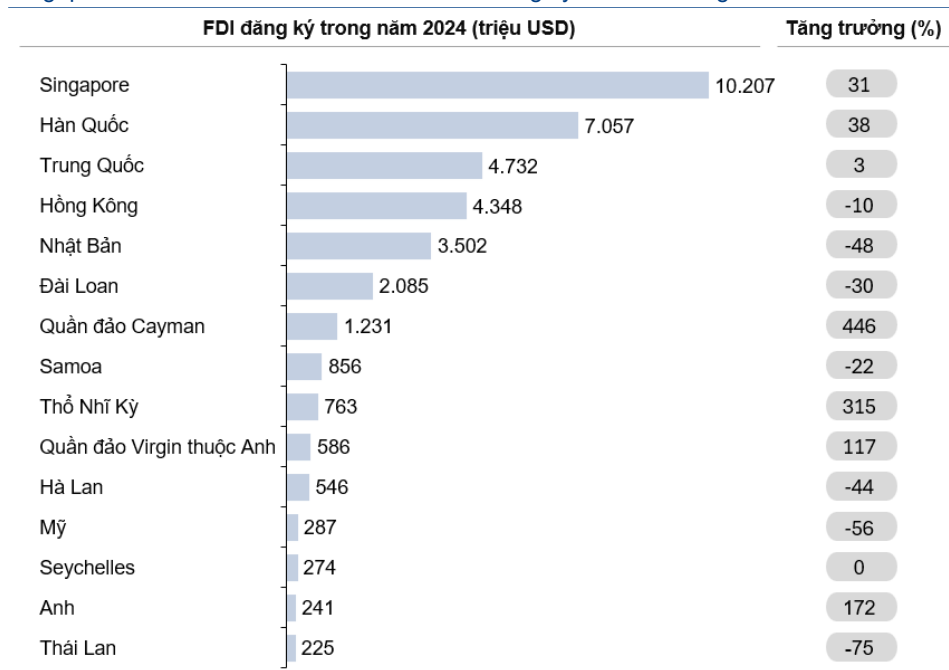
Bắc Ninh và Hải Phòng là hai tỉnh thu hút nguồn vốn FDI đăng ký lớn nhất trong năm 2024

	FDI đăng ký trong năm 2024 (triệu USD)	Tăng trưởng (%)
Bắc Ninh	5.115	184
Hải Phòng	4.941	42
Hồ Chí Minh	3.041	-49
Quảng Ninh	2.872	-10
Hà Nội	2.161	-27
Bình Dương	1.949	20
Đồng Nai	1.880	9
Nghệ An	1.750	9
Vũng Tàu	1.712	-12
Hưng Yên	1.596	56
Bắc Giang	1.230	-60
Thái Bình	1.161	-59
Ninh Thuận	1.058	537
Long An	887	17
Hải Dương	817	-35

Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Biểu đồ 13: FDI đăng ký theo các đối tác lớn trong năm 2024

Singapore và Hàn Quốc là hai đối tác có FDI đăng ký lớn nhất trong năm 2024

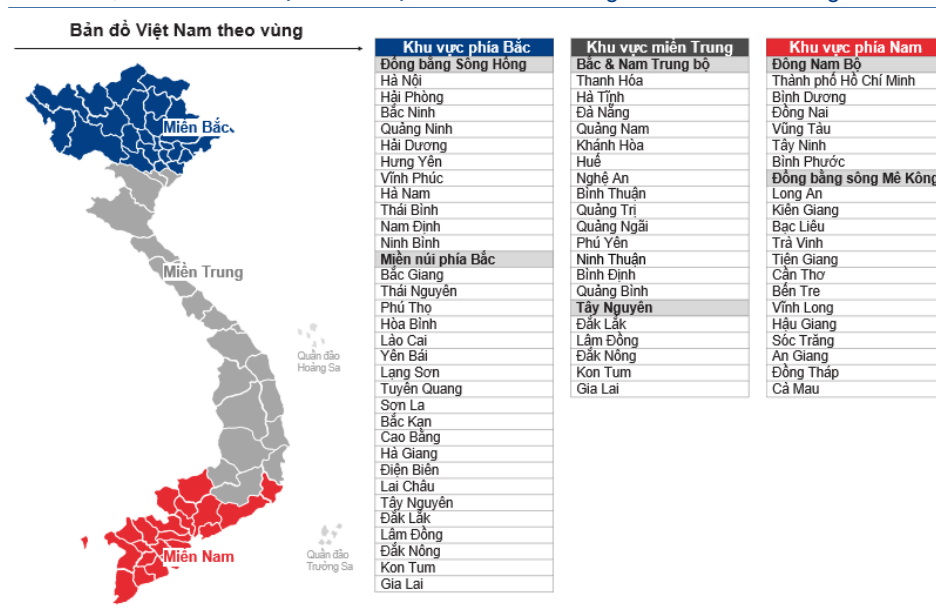


Nguồn: Tổng cục Thống kê, MPI, HSC

Các tỉnh của Việt Nam theo vùng

Biểu đồ 14: Bản đồ các tỉnh của Việt Nam

Theo MPI, các tỉnh của Việt Nam được chia thành 3 vùng chính và 6 tiểu vùng



Nguồn: MPI, HSC

Bảng 15: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024E	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,000	26,000
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,514	3,514
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	6.70	5.80
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	476	488	532
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,702	4,777	5,157
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.20	3.69	3.20
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	38.8	37.6	37.8	38.2
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	35.8	28.3	29.4	30.4
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.71	3.47
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.0	139.5	144.7
FDI giải ngân / GDP (%)	6.3	6.1	5.8	5.3	5.5	5.3	5.3	5.5	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.24	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.75	5.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,759	19,890	22,277
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	11.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	80	85	95
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.8	27.4	25.4
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	18.0	17.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	381	423	458
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	11.0	8.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	406	450	484
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.3	11.0	7.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	174	189	204
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	38.7	38.3
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.9
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	35.6	35.6
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	7.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	8.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	8.8	7.0
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	8.5	8.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn